TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2023.
(V/v: Ly hôn, nuôi con chung).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:** Bà Phan Thị Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lưu Thị Thôi.

2/ Bà Lê Thị Kiều Thu.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Giang Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Nhã Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 826/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2022 về việc "*Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2023 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T– sinh năm 1987

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Phạm Tấn P– sinh năm 1985

Nơi cư trú: Khu phố 5, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại nội dung đơn kiện, bản khai nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Tấn P tự tìm hiểu, quen biết nhau, chung sống vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào ngày 05/10/2017.

Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc cùng nhau làm ăn lo lắng cho gia đình, con cái. Thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, mâu thuẫn về tài chính dẫn đến không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cải vã, không tôn trọng nhau, ảnh hưởng đến đời sống vợ chồng và con cái. Dù đã cố gắng hòa giải nhưng ông bà vẫn không thể hàn gắn. Từ đầu năm 2023 cho đến nay, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông P.

- Về con chung: Bà khai có 01 con chung tên Phạm Bảo Q(nam), sinh ngày 19/8/2018. Sau khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T trình bày: Bà vẫn giữ ý kiến đã trình bày, bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau và đã tự sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Bị đơn ông Phạm Tấn P trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông P không có ý kiến và vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Ông Phạm Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và T cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện hôn nhân của Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Tấn P là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào ngày 05/10/2017. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, về tiền bạc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn như trước, không ai quan tâm đến ai và tự sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Tòa án cũng tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Pcũng không có ý kiến gì và cũng không tới Tòa án để hòa giải như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng của ông bà không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó: căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 57 Luật HNGĐ 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà T được ly hôn ông P.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phạm Bảo Q(nam), sinh ngày 19/8/2018. Hiện nay con chung đang sống cùng ông P. Hơn nữa bà T cũng đồng ý giao con chung cho ông Ptrực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và điều kiện tốt nhất cho cháu Quang nên căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định của pháp luật. Về tiền cấp dưỡng: ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Viện kiểm sát không có ý kiến.

Về tài sản chung và nợ chung: Do bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên VKS không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Tcó đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung. Bị đơn là ông Phạm Tấn P hiện cư trú tại phường P, thành phố Phan Thiết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng ông Phạm Tấn Pvẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] **Về nội dung vụ án:**

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Hôn nhân của Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Tấn P là hợp pháp, ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND Đ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận vào ngày 05/10/2017.

Quá trình giải quyết vụ án, bà thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau, mâu thuẫn về tài chính, không có tiếng nói chung, không còn tôn trọng nhau, thường xuyên cải vã. Từ đầu năm 2023 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống. Mặt khác, tại biên bản xác minh địa phương ngày 09/5/2023, khu phố trưởng khu phố 5, phường P, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nơi ông bà chung sống cho biết hiện nay ông bà không còn sống chung. Ông P cũng đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà T. Như vậy chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật HNGĐ 2014 Hội đồng xét xử xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm Tấn P.

[2.2] **Về con chung:** Ông P, bà T có 01 con chung tên Phạm Bảo Q(nam), sinh ngày 19/8/2018. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*". Xét thấy. Hiện nay con chung đang do ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà T cũng đồng ý giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và điều kiện học hành, vật chất và tinh thần tốt nhất cho cháu Q nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T: Giao cháu Q cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Bà T có quyền thăm nom con chung.

Về mức cấp dưỡng và P thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng**:** Ông P không có yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung và nợ chung:** bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Pkhông có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không xét trong vụ án này. Sau này nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Xét đề nghị về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí:** Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ **Căn cứ:** Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Phạm Tấn P.

2/ Về con chung**:** Tiếp tục giao con chung tên Phạm Bảo Q(nam), sinh ngày 19/8/2018 cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bà T, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Bà T có quyền thăm nom cho chung.

Về mức cấp dưỡng và P thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông P không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

4/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngày 28/12/2022, bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 00014103, nay chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đối với Bà Nguyễn Thị T kể từ ngày tuyên

án (10/5/2023), đối với ông Phạm Tấn P kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Phan Thị Thái

Nơi nhận :
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết;*
- *Toà án tỉnh Bình Thuận;*
- *UBND phường Đ, tp. Phan Thiết, BT;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự tp. Phan Thiết;*
- *Lưu.*